

LĂNG NGHIÊM CHÍNH MẠCH

Huyền Thị

Thủ Lăng Nghiêm: Viên định tự tánh.

Chính Mạch: Mạch lạc quán thông,
đúng với thâm ý viên diệu của kinh.

Huyền thị: Chỉ dạy những nghĩa
thâm sâu cao xa.

Samôn Chân Giám soạn Hán văn
Giáo sư Trương Đình Nguyên Việt dịch
Tỳ-kheo-ni HẢI TRIỀU ÂM toát yếu

I/- PHẬT NÓI KINH LĂNG NGHIÊM VÀO THỜI GIAN NÀO?

Kinh Pháp Hoa bắt đầu khai Quyền hiển Thật thọ ký cho Thanh-văn thành Phật, thọ ký luôn cho cả nữ nhân thành Phật. Những chữ Khai Thị Ngộ Nhập Phật Tri Kiến bắt đầu xuất hiện.

Thời Phương Đẳng, Bát Nhã đã có hiển thật tướng nhưng tới Pháp Hoa mới hứa khả cho Thanh-văn và đại chúng phổ thành Phật đạo, xóa tam thừa lập Phật thừa. Vì thế ngài Xá Lợi Phất mới mừng rỡ nói: “Pháp này chưa từng được nghe”.

Nay Lăng Nghiêm toàn lấy Thanh-văn làm đương cơ, diễn thuận diệu môn viên thật,

chân yếu để thành Phật. Vì thế quyết định kinh này được nói sau Pháp Hoa.

NGHI: Đầu kinh vua Ba Tư Nặc vẫn còn. Cuối kinh vua Lưu Ly đã phải đọa. Sao hội Lăng Nghiêm lại dài lâu đến thế?

ĐÁP: Lời Phật nói rải rác, người kết tập sau thu lại thành một nhóm. Huống chi từ Pháp Hoa đến Niết-bàn còn những 8 năm. Đầu kinh, Ba Tư Nặc đã 62 tuổi. Việc phản nghịch của Lưu Ly có thể hoàn tất trong 8 năm. Còn Anan thỉnh bàn về bảy thú. Như Lai tự nói về năm ma là nói riêng, sau khi 5 danh hiệu đã kết thúc pháp hội.

II/- KINH LĂNG NGHIÊM NHIẾP VỀ TẠNG VÀ THỪA NÀO?

Thuyên giải cả ba môn giới định tuệ nhưng trực thuộc về kinh tạng.

Thuần túy Bồ-tát thừa tuy vẫn bắt buộc đương cơ phải tinh nghiêm giới hạnh Thanh-

văn và từ sơ tâm đến viên mãn quả địa không được rời ba tiệm thứ (*tránh trợ duyên sanh tử, trì giới để khoét bỏ tánh phàm phu, sáu căn nghiêm hộ không tham sân*).

Tuy rút ở bộ Quán Đỉnh thuộc Mật tông và có thần chú nhưng hiển văn nhiều gấp mấy chục lần mật văn. Trong nhân quả bảy thú thể hiện rõ cả nhân thiên thừa.

Chính yếu là Đồng giáo Nhất thừa nhưng cũng kiêm Biệt giáo Nhất thừa.

III/- NHÂN DUYÊN

Tất cả giáo pháp tối thượng thừa không ngoài đại sự: Hiển thị tri kiến Phật.

Kinh Lăng Nghiêm có 10 biệt duyên:

1- Phế quyền lập thực:

Câu chuyện phế lập ở Pháp Hoa mới là sơ sơ. Vừa được tín nhận liền gia sức khuyến

khích lưu thông để ổn định tâm trí kẻ đương cơ. Thật chưa kịp truyền thọ tâm yếu.

Tới Lãng Nghiêm mới rất ráo phế lập thật sự. Ngay đầu kinh tuyên bố: **“Hết thầy chúng sanh sanh tử nối tiếp đều vì chẳng biết thường trụ chân tâm, lầm nhận vọng tưởng làm tâm tánh”**. Nhận vọng tưởng làm tâm chính là chỗ sử dụng của quyền thừa. Thường trụ chân tâm là chỗ sử dụng của Thật giáo.

“Thức tâm phan duyên là căn bản sanh tử, thức tinh nguyên minh là căn bản Bồ-đề”. Nếu chẳng bài xích xả bỏ vọng thức, cứ để cho họ nấu cát mong thành cơm như cũ thì làm sao ngộ nhập Phật tri kiến? Dùng căn tánh làm bản tu nhân mới được quả chân thật. Đây là rất ráo lập Thật giáo. Đến Tam-ma-đề, hai nghĩa quyết định cũng chỉ là nhắc lại hai thứ căn bản để chọn dùng và lọc bỏ.

Chọn căn viên thông, ngài Văn Thù chỉ dùng văn tánh.

2- Đích chỉ tri kiến:

Bảy chữ **KHAI THỊ NGỘ NHẬP PHẬT TRI KIẾN** bao hàm cả hai nghĩa tánh cụ và tu thành. Nói bốn trí, năm nhãn là tri kiến Phật thì thiên lệch về quả đức.

Mở thứ đang đóng gọi là **KHAI**. Ba chữ Phật Tri Kiến ở Pháp Hoa là nói về tánh cụ bản hữu. Tri kiến chúng sanh bị mê đảo phong bế nay chuyển khai cho nó hiển hiện thanh tịnh. Trước mê nay tỉnh vẫn là một thể.

Chỉ cho thấy gọi là **THỊ**. Tự mình tỉnh giác gọi là **NGỘ**. Đích thân tới là **NHẬP**.

Khai thị nhờ ở giáo. Ngộ nhập là tại cơ. Khai và ngộ do tánh cụ. Thị và nhập do tu thành.

Lãng Nghiêm đích xác nói: **“Sanh tử Niết-bàn đều ở ngay sáu căn”**. Lại nói: **“Tri kiến lập tri tức vô minh bản, tri kiến vô kiến tư tức Niết-bàn”**. Hiển nhiên tri kiến Phật ở căn tánh. Dần dà khai hiển tới cứu cánh, gọi là Như Lai Tạng. Từ đầu phát minh kiến tánh đến hết 4 khoa 7 đại, người học nhận được chân tâm bản hữu, đây là khai tri kiến tánh cụ.

Phú Lâu Na hỏi: **Như Lai Tạng bốn nhiên thanh tịnh. Vì sao hốt nhiên thành các tướng hữu vi, thứ lớp thiên lưu, diệt rồi lại sanh, nối tiếp không dứt?**

Phật đáp hết chỗ chúng sanh thế giới nghiệp quả tương tục khiến người học thông đạt vọng bản không. Đây là khiến tri kiến thanh tịnh.

Biện luận năm đại lần lượt nhau để đáp tới hết 3 Như Lai Tạng, đó là Thị tri kiến Phật do Như Lai tự thân tu thành.

“Ta dùng tánh diệu minh không sanh diệt hợp với Như Lai Tạng thì Như Lai Tạng diệu minh tịch chiếu khắp pháp giới. Một là vô lượng, vô lượng là một. Trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ. Không động đạo tràng mà cùng khắp mười phương, thân hàm cả mười phương hư không vô tận. Cõi bảo vương hiện trong đầu mày lông. Ngồi trên mày bụi chuyển đại pháp luân. Diệt trần hợp giác nên phát chân như diệu giác minh tánh”. Đây là đại dụng của cứu cánh tri kiến.

Thể tịch phi tất cả, Dụng chiếu tức tất cả. Đoạn này Như Lai đưa cứu cánh tri kiến quả đức của mình ra để khích lệ chúng sanh việc do tánh cụ mà đạt Vô-thượng Bồ-đề.

“Anan và đại chúng tiêu hết nghi hoặc, ngộ được thật tướng, thân ý khinh an, được pháp chưa từng có”. Đây là Ngộ Phật tri kiến, căn cứ vào cơ nhưng rõ ràng phải kèm có giáo.

Phần Tam-ma và Thiên-na nói về Nhập Phật tri kiến. Ngộ mà không phương tiện tu chứng thì chẳng thể nhập.

Cùng cực của Như Lai tri kiến là tam tạng viên dung, bốn dụng giao triệt (*một là vô lượng v.v... như trên*). Còn thật thể tánh cụ, đầu kinh đã nói, ở ngay sáu căn.

Vì đặc biệt chỉ rõ Phật tri kiến tại căn tánh chúng sanh (*căn bản trí*) nên Phật nói kinh Lăng Nghiêm.

3- Phát huy thật tướng.

Pháp Hoa nói “chỉ Phật mới biết rõ thật tướng của vạn pháp”. Rồi nêu ra nào là tánh, tướng, thể, lực...; nào là nhân duyên, quả báo, bản mặt, cứu cánh. Nhưng cũng chỉ nêu tên các pháp sai biệt chớ đâu có giải thích hai chữ Như Thị.

Lăng Nghiêm 3 phen hiển phát thật tướng:

a) “**Thanh-văn các ông hẹp hòi không thông suốt được sự thật thanh tịnh. Nay tôi chỉ dạy, ông nên khéo suy nghĩ, đừng trể nãi trên đường Bồ-đề**”. Rồi Phật dạy kiến tinh còn đeo hai vọng nghiệp. Trừ được hai vọng này thì kiến tinh chính là kiến tánh, nghĩa là thấy đúng sự thật.

b) Bốn khoa. Bảy đại.

c) Quyển 4, tất cả lời đáp Mãn Từ kiêm dạy Anan đều là cứu xét đến cùng thật tướng các pháp.

HỎI: Tri và Kiến có khác nhau không? Kinh văn hiển tánh, sao không gọi là thật tánh mà cứ gọi là thật tướng?

ĐÁP: Căn cứ vào tâm gọi là tri kiến.

Căn cứ vào pháp gọi là thật tướng.

Tánh thể phân tán thành muôn vật nhưng lý thể không biến đổi. Vàng ròng làm thành vòng xuyên hoa hột mà bản chất vẫn y

nguyên cũng không ẩn dấu. Đương thể vòng xuyên vẫn hiện đầy đủ tướng vàng. Vòng xuyên là vạn pháp. Vàng là thật tướng. Căn cứ vào thể chất gọi là thật tánh. Căn cứ vào hình tướng gọi là thật tướng.

Bảy thú năm ma về sau, người học cũng đã biết nhân quả, bản mạng, cứu cánh v.v... của họ đều là thật tướng. Vì để chỉ thật tướng cho chúng sanh, Phật nói kinh Lăng Nghiêm.

4- Chuyển 4 đảo.

Chúng sanh sống với vọng thân, vọng tâm, vọng cảnh, phát khởi và hưng thịnh tham sân si các thứ phiền não. Phật xót thương chỉ dạy:

Thân bất tịnh.

Thọ thị khổ.

Tâm vô thường.

Pháp vô ngã.

Ngoài thế gian vô thường, vô ngã, khổ và bất tịnh này có cảnh giới Niết-bàn an

vui, chỉ cần diệt sạch phiền não là ra khỏi tam giới.

Chúng sanh đang bế tắc trong khổ, được liều thuốc thích ứng, vội vàng thọ trì và thành Thánh quả. Thế là từ nay coi sanh tử như oan gia, tam giới là nhà lửa, buông xả hết thấy chúng sanh vì họ đầy phiền não hư xấu độc ác, nhập Niết-bàn riêng hưởng bình an.

Mãi tới thời Pháp Hoa, Phật mới nói thật: Niết-bàn chỉ là Hóa Thành. Phải tu học nữa. Đến quả vị Phật mới thật có thường lạc ngã tịnh. Nhưng kinh Pháp Hoa cũng chỉ dạy có một câu:

“Thị pháp trụ pháp vị,

Thế gian tướng thường trụ”.

Mãi tới kinh Lăng Nghiêm, bày tỏ kiến tánh không động, không diệt, viên mãn v.v..., cái nghĩa tâm trụ pháp vị mới rõ ràng. Tiến đến thuyết minh 5 ấm, 18 giới, 7 đại đều là

thường trụ diệu minh bất động chu viên diệu chân như tánh.

Khi chỉ thị môn tu quyết định lại nói: **“Muốn cho thấy nghe hay biết của chúng sanh xa hợp với bốn đức thường lạc ngã tịnh của Như Lai. Trước hết phải lựa bỏ căn bản sanh tử, nương tánh không sanh diệt viên trạch, xoay các vọng tưởng hư vọng sanh diệt trở về bản giác. Được tánh giác không sanh diệt làm nhân tu mới viên thành quả vị”**.

Như vậy chỉ có Lãng Nghiêm là kinh đầu tiên hoàn toàn nêu rõ Chân Thường, Chân Lạc, Chân Ngã, Chân Tịnh. Kinh tuy hiển thị phân minh nhưng ý này rất sâu khó giải. Trí lực phàm phu cần nghiên cứu kỹ mới hy vọng lãnh ngộ liễu nghĩa chân thật này.

Tâm chân thật ví như một tấm gương thật to. Sơn hà, người vật, nhà cửa lưu chuyển thành hoại ví như bóng ảnh trong gương. Phàm phu không biết đến gương, chỉ

thấy bóng ảnh và cho bóng ảnh là thật, đua nhau yêu ghét. Do tham sân si tạo nghiệp, cảm quả báo sáu đạo luân hồi khổ não.

Nhị thừa học Phật, không bị bóng ảnh đánh lừa nhưng vẫn chưa biết tới mặt gương chu viên bất động. Học kinh Pháp Hoa được hé lộ biết có thể-tánh thường trụ. Tới kinh Lãng Nghiêm mới nhận rõ nghĩa Nhất Thiết Kiên Cố. Bóng chính là gương, gương đâu là bóng (*thế gian tướng thường trụ*).

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Chúng sanh mờ trắng đáy nước đến nổi chết chìm, thật là đáng thương. Phật đáp: “Thật thế! Nhưng đáng thương hơn nữa là những kẻ chấp rằng vũ trụ không trắng”.

5- Dẫn nhập Phật tuệ.

Phật thành đạo, nói ngay kinh Hoa Nghiêm, bàn về Phật tuệ. Nhưng ngũ trước đang thịnh chưa kham thọ lãnh. Nên từ nay đành phải một mực thi hành quyền giáo

nghĩa là chỉ có Thanh-văn tuệ và Bồ-tát tuệ. Mãi đến Pháp Hoa mới nói đến Phật tuệ nhưng cũng chỉ gọi tên ra mà tán thán thôi: “Trí tuệ ta chứng được, vi diệu tối đệ nhất” chớ hoàn toàn không hiển nghĩa tướng. Kinh Lăng Nghiêm, Anan thỉnh đại định, Phật lần lượt giải đáp về tạng tánh, thuyết minh đầy đủ. Toàn bộ Lăng Nghiêm đều là Phật tuệ, thuần dùng đệ nhất nghĩa. Lý sự vô ngại pháp giới thông cả nhất thừa đồng giáo. Riêng sự sự vô ngại thuộc về nhất thừa biệt giáo thì chỉ có kinh Hoa Nghiêm nói về cực trí. Thế thì từ Hoa Nghiêm khởi thủy biến Phật tuệ chảy ra các thứ quyền giáo sai biệt. Tới Pháp Hoa mở ra đầu mối đưa tất cả trở về Phật tuệ. Đến kinh Lăng Nghiêm mới hoàn thành. Cho nên các Tổ thường nói Lăng Nghiêm là giữa nhà Pháp Hoa, là then chốt Hoa Nghiêm. Chính vì điểm này vậy.

HỎI: Phật tri kiến khác gì Phật tuệ?

ĐÁP: Phật tri kiến thuộc Như Lý (*thể*). Phật tuệ thuộc Như Trí (*tướng và dụng*). Trong 3 đức, Phật tri kiến là Pháp-thân. Phật tuệ là Bát Nhã và Giải thoát. Trong 3 nhân Phật tánh thì Phật tri kiến là chánh nhân. Còn Phật tuệ thuộc duyên nhân và liễu nhân. Nghĩa tướng nhiều môn khác nhau, lý thể đâu có nhiều loại. Hoa Nghiêm đại giáo lấy vạn pháp nhất tâm làm tông. Chia ra thì là vạn pháp, hợp lại chỉ một tâm. Chư Phật xuất thế chỉ để nói kinh Hoa Nghiêm. Ròng rã 40 năm quyền giáo, mãi tới Pháp Hoa mới được gọi là đại sự vì đã tuyên bố nhiếp các giáo quy về Hoa Nghiêm.

Năm nhân duyên đầu này của Lăng Nghiêm đã giải quyết xong công án Pháp Hoa, mở toang cảnh giới Viên Thông của Hoa Nghiêm. Cố nhiên không có sự việc nào vĩ đại bằng.

6- Hiển thị chân định.

a) Phàm, ngoại, quyền, tiểu đều có thiên định nhưng **“dù diệt hết kiến văn giác tri chỉ giữ bên trong một cảnh u nhàn, chung quy cũng chỉ là pháp trần phân biệt ảnh sự”**. Nguyên do chỉ vì còn chấp vọng tướng sanh tử ý thức làm tâm. Phàm phu ngoại đạo hết định thì đọa lạc. Tiểu thừa nhập Niết-bàn làm gì có tiến bộ. Quyền thừa tuy có chút tiến bộ nhưng chẳng thể xa. Gốc bệnh chỉ vì mê muội thuận theo tâm sanh diệt.

Ngay đầu Phật đã hứa hẹn: **“Có Tam-ma-đề gọi là Đại Phật Đỉnh Thủ Lãng Nghiêm Vương”**. Thế tánh bản lai bất động, đâu phải mượn kỹ thuật nào. Rành rành kinh nghiệm lý chân thường bất diệt. Nhìn sông, cái thấy không già. Nhận được tánh bản cụ này, sống với nó tức thành chân thật đại định. **“Bỏ sanh diệt, giữ chân thường, cần trần thức tâm ứng niệm tiêu lạc, làm sao không thành vô thượng tri giác?”**.

Đức Quán Thế Âm tu nhĩ căn, tự xưng là Như Huyền Văn Huân Kim Cang Tam Muội. Ngài Văn Thù cũng gọi là Như Huyền Bát Tư Nghi Phật Mẫu Chân Tam Muội. Nghĩa là cứ sống với chân tánh là kết quả thành Phật, chẳng phải vất vả tu hành chi cả.

b) Phàm phu căn khí lạnh lợi, có thể biết chân tánh bản hữu nhưng lười nhác chẳng siêng định lực, cuối cùng vẫn đọa lạc nên khuyên tu đại định để bảo đảm thật quả.

Với người mãi mê học giáo lý mà không cầu đại định, Phật dạy: **“Bao nhiêu kiếp vâng giữ lời Phật, chẳng bằng một ngày tu vô lậu nghiệp”**.

7- Trục chỉ nhân tâm.

Dựng ngón tay, giơ nắm tay, roi vọt, tiếng hét v.v... biến thái vô đoan, chỉ cần làm sao chúng sanh đích thân nhận được tự tánh. Tông gia chỉ hiển thị cho người tự ngộ mà không thuyết minh. Giáo gia chỉ thuyết

minh mà không biểu thị. Lăng Nghiêm dùng cả hai phương pháp. Nào bàn tay co duỗi, nào sai đánh chuông, từ đầu đến cuối thuần chỉ nhân tâm.

Thoạt đầu, Anan thỉnh Samatha cầu định pháp. Phật ngang phá vọng tâm để chỉ chân tâm, hiển thị chân tâm là thể của đại định. Mãn Từ hỏi về chúng sanh thế giới nghiệp quả tương tục tánh tướng, để biện giải về vạn pháp. Phật hiển thị vạn pháp chính là đại dụng của một Tâm. Thuyết về kế nhập, Phật chọn tánh nghe. Lại dùng tâm chú để hỗ trợ. Nói về phẩm vị tu chứng thì cũng do tâm nhiệm tịnh thay nhau mà chuyển phàm thành Thánh. Biện về bảy thú, Phật cũng chỉ rõ Tâm có nội phận thành tình, ngoại phận là tướng nên mới có vui khổ lên xuống. Ở ngũ ma, Phật dạy chánh tâm giải tà ngộ. Cho đến gió cũng do tâm động mà có, đất là do tâm lập chướng ngại mà thành. Tham ái ra nước, cọ sát bật lửa. Chỉ là tâm, không chi khác. To nhỏ chẳng ngoài tâm. Về phương diện trực

chỉ nhân tâm, há có kinh nào vượt qua Lăng Nghiêm?

8- *Hiển thị 2 môn phương tiện và bình đẳng.*

Phương tiện là chọn lựa dứt khoát một đường lối để nhập tông. Bình đẳng là phổ dụng chân vọng để hướng về cực quả. Mọi sai biệt đều bất khả đắc. Bởi vì chỉ có nhất chân. Hạt bụi sợi lông, pháp nào cũng là chân tánh, là toàn thể pháp giới. Nếu chẳng không thì chẳng gọi là hư vọng, chẳng khắp thì chẳng gọi là chân tâm.

Tánh chân tuy bản hữu nhưng mê đã lâu, phải dùng phương tiện để hiển thị cho tỏ ngộ. Hư vọng tuy bản không nhưng cố chấp quá sâu, phải dùng phương tiện để tỉnh giác. Dù đã minh bạch chánh tà, không phương tiện bỏ vọng theo chân, rút cuộc cũng không kết quả. Nên tuy biết rõ vạn pháp chỉ một tâm, một vị bình đẳng nhưng sơ tâm vẫn phải

khéo dùng phương tiện. Được cá buông nôm. Nhập chân rồi sẽ chẳng cần phương tiện.

Anan thỉnh tối sơ phương tiện của mười phương Như Lai, Phật dạy Samatha phá thức hiển kiến. Một khi chân vọng đã phân, chân thể đã lộ thì không bị bó hẹp ở Căn nữa mà bình đẳng phổ dung với vạn pháp để phát minh viên lý thành viên tu. Tam-ma chuyên dùng phương tiện nghe tánh nghe. Thiên-na nghiênng về bình đẳng.

Hai môn hỗ trợ lẫn nhau mới phát huy được nghĩa ba Như Lai Tạng. Người tu học mới thông đạt được lý Toàn vọng tức chân.

9- Cực khuyến thực chứng.

a) Chăm học mà không tu chỉ thành công tuệ. Kinh dùng thí dụ: Nói món ăn mà không ăn thì vẫn đói. Đếm tiền hộ thiên hạ, mình vẫn nghèo.

b) Nhân nghe Thánh từ đại lực hằng cứu giúp chúng sanh bèn y lại tha lực, chỉ cầu gia bị lười việc tự tu, chẳng mong thân chứng.

c) Căn cơ viên đốn, tự cậy tánh chân, chẳng cần phương tiện chứng nhập. Đại sự chợt đến liền rúm lại như cua gặp nước sôi, làm trò cười cho những bậc quyền chứng.

Bàng bạc trong kinh những lời quở trách không siêng năng cầu diệu chỉ. **“Anan, hãy xem Ma Đăng Già và Gia Du, thân nữ kém hèn mà nay đã giác tỉnh, một đã chứng A-la-hán, một đã được thọ ký. Còn ông là đại trượng phu có sao cứ quẩn quanh mãi trong vòng quan thính?”**; **“Pháp môn dễ tu như thế, búng tay đã vượt hàng vô học mà sao ông vẫn chưa chịu rũ sạch vạn duyên, nhất tâm chứng nhập?”**.

10- Nghiêm hộ tà tư.

Tâm suy nghĩ là căn bản sanh tử. Cần tuyệt nọc để sống với căn bản Bồ-đề. Quả

tình Ta Bà hố dục sâu rộng, lưới tà chấp trùng. Ngẩng lên cầu tích tập thiện căn nhưng xoáy nước vô minh cuộn cuộn, kéo về chìm đắm. Sâu xa ghê gớm là tác hại của kiến hoặc và tư hoặc. Lăng Nghiêm từ đầu đến cuối chỉ nhằm lấp chặt hố ái, xé rách lưới tà. Khởi giáo lấy việc Thánh đệ sa vào dâm thất làm duyên. **“Bao kiếp đa văn không bằng một ngày tu vô lậu định để ra khỏi hai khổ yêu ghét. Dục lậu không trừ, học nhiều càng sanh lầm lỗi”**.

Pháp thức đầu tiên phải giữ gìn 4 giới căn bản như băng sương. Ngoài ba học giới định tuệ để phá giặc tận sào huyết, Phật còn dạy thân chú để tuyệt diệt tập khí, chế ngự tà tư, bảo hộ chánh giác.

Thuyết minh về bảy thú, nhấn mạnh những cực khổ của trầm luân để khuyên thận trọng ác nhân, xả vui cõi thiên. Biện giải cặn kẽ năm ma để khuyên đề phòng nội ma ẩn tàng, ngoại ma dòm ngó.

Cuối kinh, Phật đĩnh ninh dặn dò Anan phải khai diễn cho thế gian biết năm ám hư vọng để họ quyết định xa lìa, chỉ cho họ tướng quân phá tà là đại định để họ có nơi nương tựa.

IV/- NGHĨA LÝ PHÂN TỀ

Phật giáo có 5 trình độ:

- 1- Tiểu giáo: Lục thức vô ngã, tam độc nguy hiểm.
- 2- Đại thừa thủy giáo cũng gọi là Không Tông.
- 3- Đại thừa chung giáo chủ trương hết thảy chúng sanh đều có tánh Phật, đều có khả năng thành Phật.
- 4- Đốn giáo: Túc tâm tức Phật.
- 5- Viên giáo: Tánh tướng pháp giới thống nhất.

Chánh báo y báo viên dung.

Kinh Lăng Nghiêm là viên pháp nhưng cũng gồm cả những 5 giáo trên mà còn có cả nhân thiên thừa.

V/- CĂN CỐ ĐƯỢC GIÁO HÓA

Có các bậc tuy vẫn cầu gia bị mà vẫn chăm tu để thân chứng. Vừa tỏ ngộ tánh vừa cầu chứng nhập. Đây là tối thượng đệ nhất diệu căn, cực kỳ xứng đáng là đương cơ. Bậc này học Lăng Nghiêm sẽ như mầm mạ được mưa, cá chép được sấm mùa xuân để nhảy vọt lên hóa rồng.

Đức Quán Âm tự trình bày về bản hạnh. Văn Thù biểu thị đồng tu kệ rằng: **“Quá khứ Như Lai do môn này đã chứng quả. Hiện tại mười phương Bồ-tát đang nương môn này để vào viên minh. Vị lai ai cầu học nên theo môn này mà hướng về Vô-thượng Bồ-đề”**. Vậy thì Lăng Nghiêm là đường lối đứng đắn của tam thế đại thừa.

Nghĩa kinh nhiếp về viên đốn giáo thì đương cơ hẳn phải những đại căn thuần tịnh. Nhưng y cứ lời kinh thì lại để cấp cứu tiểu căn: **“Khiến các hàng định tánh Thanh-văn trong hội và các A-la-hán chưa được nhiếp không, hồi hướng Thượng Thừa”**; **“Anan, trước hết người phải chán lia các pháp tiểu thừa, phát tâm siêng cầu Vô-thượng Bồ-đề”**.

“Người tu hành chẳng thành Bồ-đề mà chỉ thành Thanh-văn Duyên-giác, thậm chí còn lạc về thiên ma ngoại đạo, đều do không biết hai loại căn bản, tu tập sai lầm”. Từ đây mà suy, Phật há chẳng muốn tất cả những ai đã phát tâm cầu giải thoát, đều bỏ vọng tâm dùng chân tâm ư?

Lại nữa, kinh còn có tên **“Cứu Hộ Thân Nhân”**. Thân nhân của Phật là ai? Kinh Pháp Hoa nói: **“Thời đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, đức Thích Ca làm Sadi giáo hóa vô số vô lượng chúng sanh. Từ đây đến nay, trải vi trần kiếp, thầy trò vẫn đời đời gặp nhau. Vậy**

thân nhân của Phật đâu phải chỉ có Xá Lợi Phất và Khánh Hỷ. Những ai đã học Lăng Nghiêm, nhờ Lăng Nghiêm tỏ ngộ đường chân nẻo vọng, cũng nên y theo tên kinh, nhớ đến các thân duyên, cha mẹ bạn bè mà rộng truyền bá lời kinh khiến cho ai nấy đều được kết duyên giải thoát.

Thật giáo chủ trương: Hễ có tâm đều có thể thành Phật. Vậy người nào mà chẳng đáng độ? Chẳng nên cho học Lăng Nghiêm? Nên kinh nói: “**Ta nay vì người dựng đại pháp tràng cũng khiến hết thảy mười phương chúng sanh được diệu vi mật...**”; “**Vì sau này mật pháp chúng sanh phát tâm Bồ-đề khai vô thượng thừa diệu tu hành lộ**”; “**Vì hết thảy vị lai chúng sanh làm nhân duyên xuất thế**”.

VI/- GIÁO THỂ NĂNG THUYỀN

Ngài Hiền Thủ sơ giải Khởi Tín Luận có 4 môn.

Ngài Thanh Lương sơ giải Hoa Nghiêm có 10 môn nhưng tóm lại cũng không ngoài 4 môn trên. Nay Lăng Nghiêm giản lược cũng chỉ 4 môn ấy: **1) Tỳ tướng. 2) Duy thức. 3) Quy tánh. 4) Vô ngại.**

Tâm pháp có 2:

- a) Sanh diệt môn nhiếp thâu Tỳ-tướng và Duy-thức thành Tâm Cảnh vô-ngại.
- b) Chân như môn nhiếp thâu Quy-tánh thành Lý Sự vô-ngại.

VII/- TÔNG THỨ THÔNG BIỆT

Tông: Viên định.

Thú: Cực quả.

Nói theo văn kinh thì:

Tông: Tánh cụ viên dung đại định.

Thú: Nhập Như Lai diệu trang nghiêm hải (*giải thoát đức*), viên mãn Bồ-đề (*Bát Nhã đức*), quy vô sở đắc (*Pháp-thân đức*).

HỎI: Đây với nhân quả quyền thừa có gì khác?

ĐÁP: Đại định đủ ở tự tánh, chỉ cần ngộ là được. Cũng chỉ cần một diệu môn vượt lên chứng cực quả. Đây là chỗ liễu nhân tổ ngộ chẳng phải do sanh nhân sanh ra. So với quyền thừa khác nhau như trời với vực, không phải trải ba a tăng kỳ kiếp tu từng bước một như hành bố. Lợi căn chỉ một đời là xong việc. Phá xong năm ấm liền vào sơ trụ. Văn kinh rõ ràng: “**Phàm thân lướt qua các ngôi vị**”. Muốn biết rõ hãy xét lục đối:

1- Phá hiển.

Tông: Phá thức tâm.

Thú: Hiển phát căn tánh.

2- Thiên toàn.

Tông: Riêng chỉ căn tánh.

Thú: Khai hiển 3 Như Lai Tạng.

3- Ngộ nhập.

Tông: Được viên căn.

Thú: Vào dòng Thánh thẳng tới tịch diệt hiện tiền.

4- Thể dụng.

Tông: Chứng viên thông thể.

Thú: Phát viên thông dụng.

5- Hành vị.

Tông: Tu viên định.

Thú: Chứng các ngôi vị.

6- Phần mãn.

Tông: Phần chứng thánh vị.

Thú: Viên mãn Bồ-đề.

VIII/- PHÂN KHOA

IX/- GIẢI NGHĨA TÊN KINH

X/- GIẢI NGHĨA VĂN KINH

Ba mục này đã in kèm với kinh văn.

LẶNG NGHIÊM YẾU NGHĨA

I. Quyết định không dùng thức tâm vì nó là oan gia của Bồ-đề, là căn bản sanh tử. Còn tư vương vào nó thì không thể sống với chân tâm đại định. Nó trá hiện tâm tướng định tướng. Thật ra chính nó ngăn che chân tâm bản định khiến cho chúng sanh đui mù đời này sang kiếp khác. Số đông người ta tuy biết coi rẻ tư duy liệt ác nhưng lại kính trọng tư duy thắng thiện, coi rẻ ý thức tán loạn nhưng hâm mộ ý thức tịch tĩnh. Chỉ có kinh Lăng Nghiêm bài xích nó, thiện ác của nó đều bỏ, động tĩnh của nó đều trừ.

II. Quyết nhận lấy căn tánh bản định làm chân tâm. Như Lai Tạng tánh ở sáu căn. Sáu trần là bóng ảnh ở sáu căn. Sáu thức đã biến hóa ra sáu trần. Thế mà chúng ta điên đảo sống với thức tâm trí hư. Hoàn toàn mê muội về căn tánh trí thật. Những bậc thông tuệ bỏ được thô tâm phân biệt nhưng vì hâm mộ cảnh giới cao xa, nghĩa lý huyền diệu nên cứ cho chân tâm là một thứ cần nghiên ngẫm tinh vi mới có thể khế hội. Như vậy thành vẫn sống với ý thức.

Kinh Lăng Nghiêm chỉ thẳng sáu căn là Bồ-đề Niết-bàn thanh tịnh diệu thường. Bàn tay Anan khi nắm khi mở, tánh thấy bất động. Đánh chuông dẫn mộng để hiển văn căn thường trụ. Chẳng dùng lời lẽ phát huy để người học tự nhận thẳng. Thấy tối vẫn là có thấy. Nghe tĩnh vẫn là có nghe. Hết thấy sắc tướng đều là quang sáng ở mắt. Hết thấy âm thanh đều là hư vọng ở tai. Cho nên căn

tánh là thực thân của vạn vật. Vạn vật là ảo ảnh hiện trong căn tánh. Vậy chân tâm huyền cùng diệu cực há có lìa thường tánh thấy sắc nghe thanh?

A-lại-da chính là Như Lai Tạng. Nghĩa này cực gần cực rõ mà chúng sanh khó hiểu khó tin đến nỗi Phật Tổ chẳng dám thường khai diễn. Bởi vì chân và phi chân dễ mập mờ. Nghe tên A-lại-da liền cho là vô minh thể. Đi tìm những diệu huyền ở tận đâu đâu. Nào chịu nhận việc sờ sờ ngay tại thân mình. Chẳng biết rằng nguyên diệu nguyên minh há không phải là chánh pháp nhãn tạng. Bản thường bản tịch há chẳng phải là Niết-bàn diệu tâm. Lìa tánh thể này tìm đâu có huyền diệu khác.

Còn kẻ mê chấp là chân tuyệt đối thì khư khư cố chấp tịch thường bản thể. Bỏ hết tu chúng. Cũng có vị mới được nhân-không đã tự cho là đủ. Đâu có biết căn kết chưa tiêu làm

sao thoát được tình giới để hết khổ. Sanh diệt chưa diệt làm sao thoát được khí giới để chúng viên thông? Thật giống hệt kẻ khư khư ôm chặt quặng vàng, chẳng chịu luyện đúc nên chẳng bao giờ có vàng thật để xài, cam chịu nghèo túng. Ngồi lì ở Hóa Thành mà cứ tưởng đã tới Bảo Sở. Vì thế ở các kinh luận khác, Phật Tổ ít khai diễn về cái thức thứ 8 vừa chân lại vừa phi chân. Sợ rằng chúng sanh cố chấp dễ sai lầm. Thế thì những ai may mắn được học Lăng Nghiêm nên mau mau nhận lấy căn tánh, mau cầu giải kết. Như vậy mới là đã nắm được ý chỉ.

III. Như Lai đã khai thị rằng chúng sanh vốn có chân tâm bản lai diệu định. Từ nhãn căn xoay vần quán thông vạn pháp. Lại khiến viên ngộ vạn hữu chung một Như Lai Tạng tánh. Dù chưa tu ai cũng sẵn có diệu thể Lăng Nghiêm. Chỉ cần dạy họ tỏ ngộ biển tánh này, lấy đây làm viên thông nhập xứ. Nên biết rằng kinh này minh bạch chỉ tâm

tại căn. Định này khác hẳn với các định vì đây là tự tánh bản định. Tuy kinh có dạy Samatha (*chỉ*) và Vipassana (*quán*) nhưng đây là phương tiện bước đầu để khai mê ngộ tánh. Chớ không phải tông chỉ của kinh là dùng ý thức để suy ngẫm quan sát.

HỎI: Chẳng thành hiện lượng chứng ngộ thì truyền bá kinh này ích gì?

ĐÁP: Có thể khiến phần lớn các bậc trung thượng căn thành chân tỷ lượng, phát đại giải ngộ, làm thắng nhân duyên cho hiện lượng chánh ngộ. Có thể khiến một phần nào các bậc thượng thượng căn sẽ thành hiện lượng chứng ngộ. Đây là nói về mặt thế chớ tông môn thời xưa thì nghe kinh ngộ nhập đồng vô số.

IV/- Quyết định đặt trọng tâm vào nhĩ căn viên thông. Từ nửa quyển 4 về sau, tánh viên tràm vô sanh bất diệt được nêu cao trong đệ nhất nghĩa là tánh của văn căn. Tánh thấy tánh nghe vốn một thể. Ở trên 10 lần hiển

đức của tánh thấy tức là đồng thời đã hiển đức của tánh nghe. Như ngài Anan nói: “**Nếu thấy nghe ắt chẳng sanh diệt...**”. Chỉ có điều là tánh thấy chủ nhân ông đứng nhìn vạn vật. Vạn vật sanh diệt, tánh thấy bất động. Việc này dễ nhận nên dùng tánh thấy để khai thị chân tâm. Còn tánh nghe qua vách cũng nghe (*thông*), trước sau trên dưới đều nghe (*viên*) nên dùng để tu nhập.

Đầu kinh phá thức chính để triệt bỏ đệ nhất chướng ngại của viên thông. Chẳng xả bỏ thức tâm, không thể nhận được căn tánh. Còn mây tụ thì làm sao thấy mặt trăng. Bốn khoa bẩy đại cho đến ba Như Lai Tạng, bản thể đều là căn tánh. Ngoài ra tuyệt đối không có chi khác. Người tu viên thông cần thâm tín điều này để biết rằng phần văn thông lãnh cả vạn hữu. Mười pháp giới hoàn toàn nhất chân. Khai thị bản cụ tạng tánh ở đầu kinh là để mở lối cho viên thông pháp môn. Đăng

và Diệu Bồ-đề về sau là cứu cánh của viên thông.

Kinh Lăng Nghiêm nửa đầu toàn nói về tạng tánh để khai phát viên thông. Nửa sau toàn nói về viên thông để tu chứng tạng tánh. Đến khi phá trừ năm ấm, phân biệt 50 ma, mỗi ma mỗi ma Phật đều nhắc nhở: **“Đây là xa lìa viên thông, quay lưng lại Niết-bàn”**. Như thế toàn kinh Lăng Nghiêm chỉ dùng hai chữ Viên Thông để nêu tạng tánh.

Trong kinh Phật gọi Viên Thông là sơ tâm phương tiện. Điều này mở ra nghi ngờ có lẽ còn phải có lão tâm phương tiện nào khác nữa mới là thâm tu? – Gọi là Sơ Tâm vì Viên Thông này công mãn mới chứng Sơ Trụ gọi là Phát Tâm Trụ. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Sơ phát tâm liền thành chánh giác”. Lại nói: “Sơ Tâm và Cứu Cánh hai thứ chẳng khác nhau. Hai tâm như vậy, tâm trước khó phát”. Sơ tâm ở đây quả vị không nông cạn. Viên thông thấu triệt tới vị cứu cánh. Người cầu đại định

nghiên cứu kỹ nhĩ môn tu pháp, cố sức thực hành, may may không rời căn bản Bồ-đề, mới hy vọng đạt quả.



Lác Đác Nhật Hoa Từ

Anan thoát đầu hỏi về Samatha, Tamma và Thiền na. Người dịch để nguyên chữ Phạn, không chuyển sang tiếng Tàu. Có lẽ muốn để các bậc trí giả căn cứ vào văn kinh trước sau, so sánh với các kinh khác mà tự lượng định ra ý nghĩa.

Căn cứ vào lời Anan ân hận học nhiều mà vẫn sai lầm thì rõ cái tình xả giải cầu định.

Anan đặc biệt thỉnh cách tu hành của mười phương Phật, thể hiện rõ cái ý chán

Quyền theo Thật. Điều thỉnh cầu ấy dứt khoát là diệu định viên dung nhất thừa.

Cõi Ta Bà chỉ có nhĩ môn là viên thông. Như Lai đã bí mật chỉ nhĩ căn là đường duy nhất vào Niết-bàn của mười phương Bạc-già-phạm.

Văn Thù chọn nhĩ môn cũng nói rõ đây là nẻo Niết-bàn của vi trần Phật. Dưới lại nói thêm đây là pháp tu chung của cả ba đời Như Lai. Nhĩ môn cũng chính là pháp thông thường, người nông cạn kẻ thâm sâu đều có thể tu tập (thiền thâm đồng thuyết pháp).

Phá vọng tâm chỉ diệu kiến, bốn khoa thuyết minh tánh thường trụ, bảy đại thể hiển tánh châu biến. Nêu rõ tam

**tạng ở đây mới bàn về diệu lý chưa
khai hành môn.**

Lý tánh chưa tỏ, giải ngộ chưa phát, còn phải đủ cách đoạn nghi, trăm phương khải giác, uyển chuyển dẫn dụ. Thế mà đương cơ còn nửa tin nửa ngờ, chột ngộ chột mê. Biện luận bén sắc đến 4 quyển rưỡi, càng vào sâu càng vi diệu, lý này mới trọn vẹn sáng sủa, bắt đầu thành giải ngộ. Tới khi viên giải đã khai, chánh tín đã định, đương cơ thỉnh pháp tiến tu, Phật mới đặc biệt chỉ diệu môn nhĩ căn để nhập lý.

Lý thể tánh cụ của ba Như Lai Tạng là cái thể vô phân biệt thấy sắc nghe thanh trong sáu căn hiện tiền của chúng sanh. Đầu tiên Phật phá sáu thức, cấm dùng tư duy huyền tưởng. Rồi co ngón tay giơ nắm tay để hiển tánh thấy vô phân biệt bất động

ở nhĩ căn hiện tiền là tâm. Đây là phương pháp để hội chúng ai nấy tự nhận ra mình.

* Anan tõi kei nhö ñoà trei maï söa nay thay lai meï hien. Ñaï thay ñích meï con cam gi ñeïn hình veï ñoà (con phai quan töông gi ñoà?).

Ba Như Lai Tạng là cực lý do xoay vần thâm nhập vào chỗ thâm diệu viên dung, bản thể chính là tánh thấy được chỉ ở đầu kinh. Ví như con sư tử bằng vàng bị trát bùn, hoàn toàn không một chỗ hở. Người ta yên chí đây là con sư tử bằng đất. Một bậc Thầy muốn cho học trò thấy thật giá trị của sư tử bèn chùi kỹ con mắt. Thể vàng hiện rõ. Mọi người vui thích xin chùi nữa. Cuối cùng toàn thân sư tử đồng màu với con mắt. Ba Như Lai Tạng cực khai hiển viên dung, toàn thể đại dụng cùng với tánh thấy ở căn không khác.

Samatha dạy lãnh ngộ Như Lai Tạng tánh định bản hữu. Tamma dạy thâm nhập. Thiền na dạy cách trụ trì tu chúng. Trước sau cùng một tạng tánh không chi khác.

Quyền giáo dùng thức tâm.

Thật giáo dùng căn tánh.

Chúng sanh quay lưng lại Niết-bàn, chìm trong sanh tử hoàn toàn do si mê. Kinh Viên Giác nói: “Nhận sáng 5 uẩn 4 đại làm thân, duyên trần phân biệt, lầy nghiệp phan duyên ấy làm tâm”. Lắm về thân còn dễ thầy, lầy về tâm thì chẳng những trời người mà hàng nhị thừa xuất thế, quyền giáo Bồ-tát vẫn chưa thoát khỏi sáu thức. Đây gọi là dùng tâm sanh diệt làm nhân tu, rốt cuộc chẳng được quả thường trụ.

Diệu chỉ của Lãng Nghiêm, đầu phải chỉ những chỗ sâu xa mới khó tin

khó hiểu. Ngay tiết ban đầu phá thức, nhiều người trần trở do dự, chẳng thể tin hiểu dứt khoát, lằm lằm mập mờ chẳng thành lý giải rõ ràng.

* Phật hỏi Anan vì sao xuất gia? Anan thưa vì thấy tướng hảo, tâm suy nghĩ sanh ưa thích mà dứt bỏ thâm trọng ân ái. Đây là thức tâm thắng thiện.

Riêng thức có tội duyên trần phân biệt còn kiến tinh bạch tịnh vô ký như gương soi không phân tích.

Tác dụng thắng thiện của thức tâm: **1) Duyên sắc tướng Phật mà xuất gia (phá nhõn thức).** **2) Như người nay nghe pháp là duyên âm thanh mà có phân biệt (phá nhĩ thức).** **3) Nếu duyên âm thanh mà nghe pháp thì chỉ được pháp duyên, không được pháp tánh (phá thức nghe pháp lãnh ngộ).** **4)**

Dầu diệt hết kiến văn giác tri, chỉ giữ một u nhân cũng là phân biệt pháp trần ảnh sự (đây là tâm chỉ tán nhập tịch). 5) Những người tu học hiện tiền tuy đã được chín thứ đại định mà vẫn không thể lậu tận thành A-la-hán, đều do lầm chấp vọng tưởng này làm tâm tánh (phá tâm thủ chứng xuất thế).

– Công dụng thắng thiện làm sao phá hủy?

– Đây không dụng ý phá hủy thắng thiện mà chỉ nói sự thật “**thức là hư vọng phải xa lìa**”.

Anan bực bội: “**Nó không phải là tâm con thì nó là cái gì?**”

– Nó là tướng đến tướng hư vọng của tiền trần. Vì nhận giặc làm con nên mới bị luân chuyển.

Những thắng thiện này mà không tiếc thì vọng thức sẽ được nhổ tận gốc. Ngặt nỗi chúng sanh từ vô thủy vẫn nhận đây là tâm

tánh mình nên rất khó xả. Dầu Như Lai cực lực đả phá, họ cũng chẳng thể quyết định. Dùng dằng rồi buông trôi đâu lại hoàn đó. Từ đầu kinh, Phật đã hết sức bài xích thức, nêu rõ nó không có thật thể. Anan hồ nghi tiếc rẻ, cố gượng biện luận trở đi trở lại. Đến đây mới im lặng, dấu hiện của sự cưỡng nhận.

Kinh Lãng Nghiêm dùng cả 2 môn: phương tiện và bình đẳng. Phương tiện là ý quyết trạch (chơn || u dl t khoat). Bình đẳng là ý phổ dung (chanh bao y bao khong hai, toan vong tl c chah). Ban đầu phá thức toàn vọng, răn không cho dùng vì thức là cội rễ sanh tử. Đây là phương tiện nhập viên. Sau khi chúng sanh đã chịu buông tâm thức để sống với căn bản Bồ-đề rồi, không nấu cát mong có cơm ăn nữa. Đến bốn khoa bẩy đại, thức tâm được gọi là Như Lai Tạng. Bởi vì pháp không được mất, mê ngộ tại người. Tỉnh ra thì vọng tưởng bèn là chân tâm. Thức chẳng khác tâm, tâm chẳng khác thức, thức chính là tâm, tâm chính là thức. Nếu đang khi quyết trạch mà lấy ý

bình đẳng ở phần sau, dung hòa chân vọng, gốc của vọng sẽ kiên cố, việc chân tu sẽ mãi mãi bất tẩu... Nếu đang khi phổ dung mà lấy ý phương tiện, thêm sương trên tuyết rằng thức tâm phân biệt là mầm tam độc. Thế thì trở thành câu nệ, mất lối viên thông. Thuận theo ý chỉ của Phật, sử dụng hợp thời thì hai môn hỗ trợ cho nhau. Nếu tạp loạn thì hai môn trái ngược nhau. Vì thức tuy thể là tạng tâm nhưng hiện tại trong mê nó vẫn là cội rễ sanh tử. Không phá trừ sự tu hành sẽ rối loạn. Thức tuy là gốc vọng nhưng một phen đã tỉnh ngộ ai còn sợ hãi giấc mơ.

Phật dạy: Thấy là do tâm chớ không phải mắt. Tánh thấy là chân tâm. Nhưng Anan vẫn khẳng khẳng chẳng nhận: Làm sao biết nó là tâm tôi? Nếu Thấy là Tâm thì thân tâm hiện tại là vật gì? Tâm vô sanh không diệt khác gì minh đế của ngoại đạo? Nghi tình trần trở bất định. Như Lai cận kề giải thích, ông mới chịu lãnh ngộ diệu chỉ.

Diệu tánh trong căn chính là Như Lai Tạng. Mang vọng là kiến linh minh nguyên. Trừ vọng là diệu linh minh tâm. Thế cực màu nhiệm nên gọi là linh. Dụng thường linh sáng nên gọi là minh. Vì còn mang 2 vọng kiến nên chưa diệu chớ không phải bỏ thứ này được thứ khác.

Phân biệt Quyền và Thật có nhiều nhân duyên nhưng Tâm là chính. Tâm đúng thì mọi thứ đều đúng. Tâm sai thì tất cả sai. Do lìa Trí hợp với Thức mà thành khổ.

Tổ Vô Trước pháp giới Tánh hai năm năm gọi là Thời hai. Có bảy chuyên thời. Phải tuy cô nghi thi thiết quyền giáo, tâm thời cội nê

ngôi tu sống với cái tâm sai lầm này. Vòng tâm có 5 đưng: ác, thiện, bất thiện, tiểu, ngã. Phải dạy chuyển tâm có 5 trình nữa 1) Nhân thiện khiến lìa khỏi tam não 2) Thiện thiện chuyển tâm thiện thanh bất thiện, nỗ lực tăng thông phước báo. 3) Chuyển chấp cõi ngoài vào trong, chớng tiểu quay ra khỏi luân hồi. 4) Ngã thiện thủy giai văn dung tâm sanh diệt tu lúc nữa 5) Tôi thời Pháp Hoa mỗi pheá Quyền lập Thất. Những con tôi sớ ngoài nghi sanh tín, chớa rành ñeá ban kyó về Thờc vào Tâm. Lãng Nghiêm phải Thờc hiện Cảnh lạc truyên thời tâm yếu viên thờc. Phải biết Thờc hai chính lạc Tánh hai. Chæ vì ñeo vào minh nên gọi Tánh lạc Thờc. Bởi Thờc thì chæng sao thay Tánh. Toàn kinh Lãng Nghiêm lấy việc này làm yếu nghĩa. Chớ Phải khac miệng ñờng lời: “**Sanh tử luân hồi Niết-bàn giải thoát đều ở sáu căn không chi khác**”.

Đà na vi tế thức

Tập khí thành dòng thác

Chân, phi chân, sợ mê

Ta thường chẳng khai diễn.

Đà-na chính là nghiệp thức. Chân thể vi tế hòa hợp với dòng thác vọng tập. Kẻ nông cạn dễ mê khó ngộ. Muốn khai thị phải đả phá phân hư vọng và hiển rõ phân chân thật. Tông chỉ kinh Lãng Nghiêm thật sự vô cùng vĩ đại.

